TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST
Ngày: 06-4-2021
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Thám.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ánh Hồng.

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị N, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp T, xã LHT, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp ÔR xã LHĐ, huyện C, tỉnh Long An

2. Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1983;địa chỉ Số 157 đường BS, phường TT A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: Ấp ÔR, xã LHĐ, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2020 và 30/12/2020 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Do quen biết nên bà có cho ông Nguyễn Thành T vay tiền nhiều lần cụ thể như sau: Ngày 01/01/2020 vay số tiền 150.000.000đồng; ngày 04/01/2020 vay

số tiền 150.000.000đồng; ngày 19/01/2020 vay số tiền 150.000.000đồng; ngày 24/01/2020 vay số tiền 60.000.000đồng; ngày 25/01/2020 vay số tiền 120.000.000đồng; ngày 30/01/2020 vay số tiền 50.000.000đồng, tổng cộng 680.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Đến ngày 15/4/2020, Ông T đã trả cho bà 80.000.000đồng tiền gốc và 80.000.000đồng tiền lãi, hai bên làm giấy tay xác nhận số nợ còn thiếu là 600.000.000đồng, thỏa thuận đến ngày 30/8/2020 sẽ trả lại toàn bộ gốc và lãi. Đến thời hạn trả nợ ông T không trả nên bà khởi kiện yêu cầu ông T cùng vợ là bà T có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc còn thiếu là 600.000.000đồng và tiền lãi với lãi suất là 1,66%/tháng từ ngày 15/4/2020, tạm tính đến ngày khởi kiện là 5 tháng tiền lãi là 49.800.000đồng và tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất là 1,66%/tháng cho đến ngày xét xử. Tại phiên tòa bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu một mình ông T có trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu bà Võ Thị Thanh T là vợ ông T có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Thành T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

Ông T thừa nhận có vay số tiền 680.000.000đồng của bà N cụ thể: Ngày 01/01/2020 vay số tiền 150.000.000đồng; ngày 04/01/2020 vay số tiền 150.000.000đồng; ngày 19/01/2020 vay số tiền 150.000.000đồng; ngày 24/01/2020 vay số tiền 60.000.000đồng; ngày 25/01/2020 vay số tiền 120.000.000đồng; ngày 30/01/2020 vay số tiền 50.000.000đồng; thỏa thuận lãi suất 3%/tháng; các chữ ký chỗ người mượn tiền Nguyễn Thành T trên giấy nhận nợ do bà N nộp là do ông ký và viết. Đến ngày 15/4/2020 ông đã trả được cho bà N 80.000.000đồng tiền gốc và 80.000.000đồng tiền lãi, còn nợ lại 600.000.000đồng tiền gốc, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn đến ngày 30/8/2020 ông sẽ trả toàn bộ tiền gốc và tiền lãi, nhưng sau khi vay tiền thì công việc làm ăn của ông khó khăn nên chưa trả cho bà N. Ông vay tiền của bà N về để trả nợ cho các chủ nợ khác, do ông vay tiền người khác để lấy hàng về làm cửa sắt với lãi suất cao, không có khả năng trả nên ông vay tiền của bà N lãi suất thấp hơn để trả nợ lại cho các chủ nợ khác. Bà N yêu cầu trả tiền gốc 600.000.000đồng và tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng, ông đồng ý nhưng ông đề nghị bà N cho ông trả dần mỗi tháng 30.000.000đồng hoặc khi nào bán được ruộng thì ông sẽ trả một lần. Đối với số tiền lãi ông đã trả 80.000.000đồng cho bà N vượt quá quy định thì ông không yêu cầu khấu trừ số tiền lãi đã trả vượt quy định vào tiền gốc, do ông và bà N đã thống nhất chốt lại số nợ vào ngày 15/4/2020, lúc này ông chỉ còn nợ 600.000.000đồng tiền gốc. Do một mình ông vay tiền và ruộng đất hiện nay cũng một mình ông đứng tên nên một mình ông sẽ trả nợ cho bà N; bà Thi là vợ ông không liên quan đến số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh T trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 01/3/2021: Bà là vợ của ông T, có đăng ký kết hôn. Bà không biết việc ông T vay tiền của bà N. Bà không đồng ý cùng ông T trả tiền cho bà N do bà không biết số tiền bà N cho ông T vay và xin vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử và phòng nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh T có đơn xin vắng mặt nên đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự giải quyết vắng mặt đương sự

Về đường lối giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Thành T thừa nhận có vay tiền của bà Phạm Thị N số tiền 680.000.000đồng, đã trả được 80.000.000đồng tiền gốc và 80.000.000đồng tiền lãi, hiện còn nợ 600.000.000đồng tiền gốc, việc vay nợ có lập thành văn bản có xác nhận chữ ký của ông T, giao dịch dân sự giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự thỏa thuận có nội dung và hình thức không vi phạm điều cấp của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ và lãi là có căn cứ chấp nhận. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 1,66%/tháng đối với số nợ gốc còn lại là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, đối với số tiền lãi 80.000.000đồng ông T đã trả cho bà N trước đó phải giải quyết lại do lãi suất thỏa thuận 3%/tháng (36%/năm) là vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định của pháp luật (không quá 20%/năm) nên mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực, số tiền lãi đã trả vượt quá được khấu trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và quyền khởi kiện:

[1.1] Tranh chấp phát sinh giữa bà Phạm Thị N với ông Nguyễn Thành T và bà Võ Thị Thanh T thông qua " giấy nhận nợ có chữ ký của ông Nguyễn Thành T ngày 15/4/2020" là tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Căn cứ vào các giấy nhận nợ do bà N cung cấp nội dung có xác đinh thời hạn trả nợ là "Tôi hứa 30-8-2020 tôi sẽ trả hết vốn và lãi cho cô Út Nhứt".. Như vậy có căn cứ xác định quan hệ vay tiền giữa bà N và ông T là hợp đồng vay có thời hạn, ngày 11/11/2020 bà N nộp đơn khởi kiện là đủ điều kiện khởi kiện.

[1.3] Bị đơn ông Nguyễn Thành T có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp ÔR, xã LHĐ, huyện C, tỉnh Long An; bà Võ Thị Thanh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 158 đường BS, phường TT A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện nay đang thực tế sinh sống cùng ông T tại ấp ÔR, xã LHĐ,

huyện C, tỉnh Long An nên khi bà N có đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Bị đơn bà Võ Thị Thanh T xin vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án (tại biên bản ghi lời khai ngày 01/3/2021) nên Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự giải quyết vắng mặt bà Thi.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N: Bà N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thành T và bà Võ Thị Thanh T trả số tiền gốc vay còn thiếu là 600.000.000đồng, tiền lãi từ ngày 15/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/4/2021) với lãi suất là 1,66%/tháng, tiền lãi là 116.864.000đồng và tiếp tục chịu tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/ tháng cho đến khi trả hết nợ.

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền gốc: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thành T thừa nhận ông có vay tiền của bà N cụ thể: Ngày 01/01/2020 vay số tiền 150.000.000đồng; ngày 04/01/2020 vay số tiền 150.000.000đồng; ngày 19/01/2020 vay số tiền 150.000.000đồng; ngày 24/01/2020 vay số tiền 60.000.000đồng; ngày 25/01/2020 vay số tiền 120.000.000đồng; ngày 30/01/2020 vay số tiền 50.000.000đồng; đến ngày 15/4/2020 ông đã trả được 80.000.000đồng tiền gốc, còn nợ lại bà N 600.000.000đồng tiền gốc nên theo yêu cầu khởi kiện của bà N thì ông đồng ý trả cho bà N số tiền gốc là 600.000.000đồng và đề nghị được trả dần mỗi tháng là 30.000.000đồng cho đến khi hết số nợ trên. Như vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà N buộc bà Ông T phải trả cho bà N số tiền vay gốc còn thiếu là 600.000.000đồng. Đối với yêu cầu trả dẫn mỗi tháng 30.000.000đồng thì bà N không đồng ý và theo quy định của pháp luật cũng không có quy định trả dần nên không chấp nhận về việc trả dần của ông T.

[2.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Theo giấy nhận nợ và lời thừa nhận của ông T tại phiên tòa xác định được các bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Tại phiên tòa bà N chỉ yêu cầu trả lãi với lãi suất là 1,66%/tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đồng thời theo giấy xác nhận nợ thì các bên thỏa thuận thời hạn trả là 30/8/2020 nhưng bà N cũng chỉ yêu cầu tiền lãi với lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 15/4/2020 đến ngày xét xử, không yêu cầu trả lãi quá hạn theo quy định là có lợi cho ông T nên ghi nhận. Số tiền lãi phải trả từ ngày 15/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/4/2021) là 600.000.000đồng x 11 tháng 22 ngày x 1,66%/tháng = 116.864.000đồng. Ông T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi trả hết nợ.

[2.3] Đối với số tiền lãi 80.000.000đồng ông T đã trả cho bà N: Mặc dù được giải thích về việc số tiền lãi đã trả vượt quá quy định nếu có yêu cầu khấu trừ vào tiền gốc sẽ được Tòa án xem xét nhưng tại phiên Tòa ông T tự nguyện không yêu cầu Tòa án xem xét lại tiền lãi đã trả vượt quá quy định để khấu trừ vào số tiền gốc; bà N cũng không đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận vượt quá quy định vào tiền gốc nên Tòa án không xem xét về số tiền lãi ông T đã trả vượt quá quy định.

[2.4]. Đối với yêu cầu buộc bà Võ Thị Thanh T có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả nợ: Tại phiên tòa, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiên chỉ yêu cầu một mình ông T trả nợ, việc thay đổi yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên chấp nhận yêu cầu thay đổi của bà N. Bà Thi không có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả nợ.

[2.5] Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và một phần phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà N. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N đối với bị đơn ông Nguyễn Thành T về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

Buộc ông Nguyễn Thành T có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị N số tiền là 716.864.000đồng (trong đó tiền nợ gốc là 600.000.000đồng, tiền lãi từ ngày 15/4/2020 đến ngày 06/4/2021 là 116.864.000đồng)

Kể từ ngày 07/4/2021 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Thành T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Thành T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.674.500đồng. Hoàn trả cho bà Phạm Thị N 14.996.000đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0009121 ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thám